

LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Giảng viên: ThS. Nguyễn Phương Chi
Email: chinp@ftu.edu.vn

1

Nội dung

- Luật mẫu về TMĐT của UNCITRAL (Model Law on Ecommerce)
- Luật mẫu về chữ ký điện tử của UNCITRAL (Model Law on E-signature)
- Khung pháp lý về giao dịch điện tử tại một số nước (EU, Mỹ, một số nước CÁ)
- Luật giao dịch điện tử của Việt Nam

2

Luật mẫu về TMĐT của UNCITRAL

- Ban hành vào tháng 12/1996
- Thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu
- Đây là nguồn tham khảo, kim chỉ nam cho các quốc gia trên thế giới dựa vào để soạn thảo một nguồn luật quốc gia điều chỉnh các hoạt động TMĐT.
- Luật mẫu gồm có 17 điều khoản

3

Luật mẫu về TMĐT của UNCITRAL

- ❑ Luật mẫu được soạn thảo dựa trên những nguyên tắc cơ bản
 - ❖ Tương đương thuộc tính: tài liệu điện tử có giá trị pháp lý như tài liệu ở dạng văn bản nếu thỏa mãn các yêu cầu kỹ thuật nhất định
 - ❖ Tự do thỏa thuận hợp đồng
 - ❖ Giá trị pháp lý của hợp đồng về mặt hình thức mà chưa đề cập đến giá trị pháp lý về mặt nội dung hợp đồng
 - ❖ Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng phải đi trước

4

Một số nội dung quan trọng của luật mẫu

- ❑ Thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu trên một số điểm sau:
 - ❖ Có thể thay thế văn bản giấy
 - ❖ Có giá trị như bản gốc
 - ❖ Có giá trị lưu trữ và chứng cứ
 - ❖ Xác định trách nhiệm của các bên, thời gian nhận, gửi thông điệp
- ❑ Thừa nhận giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử

5

Một số nội dung quan trọng của luật mẫu

- ❑ Thừa nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử tương đương chữ ký viết tay nên nó có một số các thuộc tính như sau
 - ❖ Khả năng nhận dạng một người
 - ❖ Tạo cơ sở pháp lý để ràng buộc trách nhiệm và nghĩa vụ của người ký khi họ đã chấp nhận ký vào một thông điệp dữ liệu

6

Luật mẫu về chữ ký điện tử của UNCITRAL

- Ban hành ngày 29/09/2000
- Thừa nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử tương đương giá trị viết tay nếu đảm bảo tính trung lập về công nghệ
- Một số điều kiện để chữ ký điện tử được xem là an toàn và tin cậy
- Thừa nhận chữ ký số có giá trị pháp lý nếu nó xác định và xác thực được người khởi tạo

7

Khung pháp lý về GDDT tại một số nước

- Liên minh Châu Âu
 - ❖ Chỉ thị số 2000/31/EC về thương mại điện tử
 - ❖ Chỉ thị số 1999/93/EC về chữ ký điện tử
- Hoa Kỳ
 - ❖ Luật thống nhất về giao dịch điện tử (Uniform Electronic Transactions Act –UETA)
 - ❖ Luật chữ ký điện tử trong thương mại quốc gia và quốc tế (E-SIGN)

8

Khung pháp lý về GDDT tại một số nước

- Một số nước Châu Á
 - ❖ Singapore: Luật giao dịch điện tử 1998
 - ❖ Malaysia: Luật chữ ký số năm 1997
 - ❖ Hàn Quốc: Luật giao dịch điện tử 1999 (Electronic Transaction Basic Act - ETBL) & Luật chữ ký điện tử năm 1999 (ESA)

9

Khung pháp lý về TMĐT tại VN

- ❑ Trước năm 2002 hầu như chưa có văn bản pháp lý nào điều chỉnh trực tiếp về hoạt động TMĐT
- ❑ Tháng 1/2002 Bộ Thương mại chủ trì xây dựng pháp lệnh về TMĐT đây là tiền đề của luật giao dịch điện tử
- ❑ 29/11/2005 thì Luật giao dịch điện tử được ban hành và có hiệu lực vào ngày 01/03/2006

10

Khung pháp lý TMĐT tại Việt Nam

- ❑ Luật giao dịch điện tử (29/11/2005)
- ❑ Nghị định số 35/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng
- ❑ Nghị định số 57/2006/NĐ-CP về TMĐT
- ❑ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP về CKS & chứng thực chữ ký số
- ❑ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính

11

Khung pháp lý về TMĐT tại VN

- ❑ Thông tư số 09/2008/TT-BCT về giao kết hợp đồng trên website thương mại điện tử
- ❑ Luật thương mại (sửa đổi 2005)
- ❑ Luật Công nghệ thông tin (29/06/2006)
- ❑ Luật Sở hữu trí tuệ (2005)
- ❑ Luật Hải quan (sửa đổi 2005)
- ❑ Luật kế toán (2003)
- ❑ Các nguồn luật khác

12

Luật giao dịch điện tử của VN

- ❑ Ban hành vào tháng 11/2005
- ❑ Gồm 8 chương, 54 điều
 - ❖ Chương 1: Những qui định chung
 - ❖ Chương 2: Thông điệp dữ liệu
 - ❖ Chương 3: Chữ ký điện tử và chứng thực chữ ký điện tử
 - ❖ Chương 4: Giao kết và thực hiện HĐĐT
 - ❖ Chương 5: Giao dịch điện tử của CQ nhà nước
 - ❖ Chương 6: An ninh, an toàn, bảo mật trong GDDT
 - ❖ Chương 7: Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm
 - ❖ Chương 8: Điều khoản thi hành

13

Luật Giao dịch điện tử VN

- ❑ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
 - ❖ Luật này quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định.
 - ❖ Các quy định của Luật này không áp dụng đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và các bất động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, thương phiếu và các giấy tờ có giá khác.

14

Luật Giao dịch điện tử VN

- ❑ Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân lựa chọn giao dịch bằng phương tiện điện tử.

15

Luật Giao dịch điện tử VN

- Điều 4. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 1. *Chứng thư điện tử* là thông điệp dữ liệu do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử phát hành nhằm xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký điện tử.
 2. *Chứng thực chữ ký điện tử* là việc xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân, được chứng thực là người ký chữ ký điện tử.

16

Luật Giao dịch điện tử VN

3. *Chương trình ký điện tử* là chương trình máy tính được thiết lập để hoạt động độc lập hoặc thông qua thiết bị, hệ thống thông tin, chương trình máy tính khác nhằm tạo ra một chữ ký điện tử đặc trưng cho người ký thông điệp dữ liệu.

17

Luật Giao dịch điện tử VN

- Điều 12. Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản
- Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này nếu thông tin chứa trong thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết.

18

Những hợp đồng nào có thể ký dưới dạng dữ liệu điện tử ?

- ❑ **Đ 24** Luật thương mại 2005: quy định HĐ mua bán hàng hóa được thể hiện bằng văn bản, lời nói, hành vi
- ❑ **Đ 27** Quy định HĐ mua bán hàng hóa quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản hoặc hình thức khác có giá trị tương đương
- ❑ **Đ12** Luật giao dịch điện tử: Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này nếu thông tin chứa trong thông điệp dữ liệu đó **có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết**

19

Luật Giao dịch điện tử VN

- ❑ Điều 13. Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc
Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:
 1. Nội dung của thông điệp dữ liệu được bảo đảm toàn vẹn kể từ khi được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng một thông điệp dữ liệu hoàn chỉnh.
Nội dung của thông điệp dữ liệu được coi là toàn vẹn khi nội dung đó chưa bị thay đổi, trừ những thay đổi về hình thức phát sinh trong quá trình gửi, lưu trữ hoặc hiển thị thông điệp dữ liệu.
 2. Nội dung của thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.

20

Luật Giao dịch điện tử VN

- ❑ Điều 15. Lưu trữ thông điệp dữ liệu
 - a) Nội dung của thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết;
 - b) Nội dung của thông điệp dữ liệu đó được lưu trong chính khuôn dạng mà nó được khởi tạo, gửi, nhận hoặc trong khuôn dạng cho phép thể hiện chính xác nội dung dữ liệu đó;
 - c) Thông điệp dữ liệu đó được lưu trữ theo một cách thức nhất định cho phép xác định nguồn gốc khởi tạo, nơi đến, ngày giờ gửi hoặc nhận thông điệp dữ liệu

21

Luật Giao dịch điện tử VN

- Điều 16,17,18,19 đề cập tới người khởi tạo, thời điểm, địa điểm nhận gửi thông điệp dữ liệu
 - Người gửi có được miễn trách đối với thông điệp đã gửi không
- Điều 18, K2, đ: Trường hợp người khởi tạo đã gửi thông điệp dữ liệu mà không tuyên bố về việc người nhận phải gửi thông báo xác nhận và cũng chưa nhận được thông báo xác nhận thì người khởi tạo có thể thông báo cho người nhận là chưa nhận được thông báo xác nhận và ấn định khoảng thời gian hợp lý để người nhận gửi xác nhận.
- Nếu người khởi tạo vẫn không nhận được thông báo xác nhận trong khoảng thời gian đã ấn định, thì người khởi tạo có quyền coi như chưa gửi thông điệp dữ liệu đó.

22

Luật Giao dịch điện tử VN

- Giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại (quy định trong nghị định TMĐT)
- ❖ CTĐT là chứng từ ở dạng thông điệp dữ liệu
- ❖ CTĐT có giá trị pháp lý như văn bản nếu thông tin chứa trong CTĐT đó có thể truy cập được để sử dụng khi cần thiết
- ❖ CTĐT có giá trị pháp lý như bản gốc nếu thỏa mãn đồng thời cả hai điều kiện sau:
 - Có sự đảm bảo đủ tin cậy về tính toàn vẹn của thông tin chứa trong CTĐT
 - Thông tin chứa trong CTĐT có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết

23

Luật Giao dịch điện tử VN

- Xác thực thông tin trong CTĐT
 - ❖ Chữ ký số của cơ quan, tổ chức
 - Chữ ký số không phải do người ký tự tạo ra mà được tạo trên cơ sở kết hợp khóa bí mật của người ký và nội dung của thông điệp dữ liệu
 - Người ký là thuê bao của tổ chức chứng thực chữ ký số và được kiểm tra, chứng thực, xác minh bởi tổ chức này
 - Mỗi chức danh có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có một chữ ký số tương đương với chữ ký tay của người đó và con dấu của cơ quan, tổ chức đó (Nghị định về Chữ ký số và Dịch vụ chứng thực chữ ký số)

24

Luật Giao dịch điện tử VN

- ❖ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực CKS
 - Chứng thực CKS là dịch vụ mang tính pháp lý
 - Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng phải thỏa điều kiện:
 - Là DN được thành lập theo pháp luật Việt Nam;
 - Có giấy phép do Bộ Bưu chính Viễn thông cấp;
 - Đáp ứng được các điều kiện về nhân sự, tài chính, kỹ thuật, an toàn an ninh và một số điều kiện khác.
 - Các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, an ninh, quốc phòng sẽ thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ

25

Thông tư 09/CP về mua bán hàng hóa trên các website

Thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng của thương nhân

- ❑ Nếu một website thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến cho từng hàng hóa hoặc dịch vụ cụ thể được giới thiệu trên website đó, thì các thông tin giới thiệu về hàng hóa, dịch vụ và các điều khoản liên quan được xem là thông báo về đề nghị giao kết hợp đồng của thương nhân sở hữu hàng hóa hoặc dịch vụ đó. (Điều 4)

Thông tư 09/CP về mua bán hàng hóa trên website

Chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng (Điều 7)

- ❑ a) Trường hợp website có công bố thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng, nếu hết thời hạn này mà khách hàng vẫn chưa nhận được trả lời của thương nhân thì đề nghị giao kết hợp đồng của khách hàng chấm dứt hiệu lực. Việc trả lời chấp nhận sau thời hạn này hình thành một đề nghị giao kết hợp đồng khác từ phía thương nhân.
- ❑ b) Trong trường hợp website không công bố rõ thời hạn trả lời đề nghị giao kết hợp đồng, nếu trong vòng 08 (tám) giờ làm việc kể từ khi gửi đề nghị giao kết hợp đồng, khách hàng vẫn chưa nhận được trả lời đề nghị giao kết hợp đồng thì đề nghị giao kết hợp đồng của khách hàng được xem là chấm dứt hiệu lực.

Thông tư 09/CP về mua bán hàng hóa trên website**Thông tin về thương nhân và người sở hữu website (Điều 17)**

- a) Thương nhân và người sở hữu website phải công bố những thông tin tối thiểu sau trên website:
- Tên, địa chỉ trụ sở;
- Số, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Số điện thoại, địa chỉ thư điện tử hoặc một phương thức liên hệ trực tuyến khác.
- b) Thông tin về người sở hữu website phải được hiển thị tại trang chủ của website.

Nghị định 51/CP về hóa đơn mua bán hàng hóa**Điều 7. Hóa đơn điện tử**

- 1. Hóa đơn điện tử được khởi tạo, lập, xử lý trên hệ thống máy tính của tổ chức, cá nhân kinh doanh đã được cấp mã số thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ và được lưu trữ trên máy tính của các Bên theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- 2. Hóa đơn điện tử được sử dụng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.